TRÍ TUỆ XÃ HỘI CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI BIỂU HIỆN QUA THỂ HIỆN BẢN THÂN, SỰ ĐÁNG TIN VÀ THẤU CẢM TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ SỐ

ĐẶNG THỊ VÂN
Trường Đại học Luật Hà Nội

Nhận bài ngày 12/01/2026. Sửa chữa xong 27/02/2026. Duyệt đăng 28/02/2026.

Abstract

A survey of 450 students at Hanoi Law University indicates that three of the five manifestations of social intelligence in K. Albrecht's SPACE model examined in this study reach a relatively good level. Trustworthiness is the most evident manifestation, reflected in the highest mean score; self-presentation ranks second, while empathy appears less strongly expressed. The findings also show that a considerable proportion of students remain limited in proactively expanding their social networks and presenting themselves in digital environments. These constraints may result from a lack of confidence, limited communication experience, or insufficient ability to use technology effectively to build a personal image and enhance proactiveness in social interaction and communication in the contemporary era. Therefore, students need to take an active role in developing emotional intelligence through learning activities, scientific research, social communication, and participation in community and social activities.

Keywords: *Empathy, intelligence, law students, manifestations, self-presentation, social intelligence, students, trustworthiness.*

1. Đặt vấn đề

Trí tuệ xã hội là một vấn đề đã và đang rất được các nhà khoa học quan tâm nghiên cứu, đặc biệt đề cập đến mô hình cấu trúc trí tuệ xã hội của cá nhân. Nhóm tác giả S. Weis và cộng sự (2008) đã phát triển và hoàn thiện mô hình trí tuệ xã hội bao gồm 5 thành tố của nhận thức là đưa yếu tố hành vi ứng xử vào mô hình này, ông xem hành vi ứng xử như là yếu tố đối trọng với 5 thành tố nhận thức, là kết quả của quá trình nhận thức và xử lý thông tin [10]. Tác giả Nguyễn Công Khanh (2011) tiếp cận cấu trúc trí tuệ xã hội với 4 thành phần bao gồm năng lực nhận thức xã hội, năng lực thiết lập và duy trì mối quan hệ xã hội, năng lực thích ứng và hòa nhập môi trường mới và năng lực giải quyết vấn đề trong các tương tác xã hội [6]. Ngoài ra, có những quan điểm cấu trúc trí tuệ xã hội bao gồm 2 thành phần [1], 3 thành phần [4]. Trong nghiên cứu này, căn cứ vào đặc thù của sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội cũng như trong bối cảnh phát triển công nghệ số nên chúng tôi dựa vào quan điểm của tác giả K. Albrecht thể hiện ở 5 biểu hiện theo mô hình SPACE (Situational awareness, Presence, Authenticity, Clarity and Empathy), bao gồm: Nhận thức xã hội; Thể hiện bản thân; Sự đáng tin; Tư duy mạch lạc; Sự thấu cảm [5]. Đây cũng là quan điểm được một số tác giả nghiên cứu ở Việt Nam đặc biệt quan tâm kế thừa một cách có chọn lọc và bổ sung hoặc thay thế tên gọi khác của các biểu hiện trong cấu trúc trí tuệ xã hội mà tác giả K. Albrecht đã đưa ra nhưng không thay đổi bản chất, điển hình như tác giả Kiều Thị Thanh Trà (2017) thay thế sự đáng tin bằng khái niệm sự tín nhiệm hay bổ sung biểu hiện giao tiếp hiệu quả [8].

Trong phạm vi bài viết này chúng tôi đề cập đến 3 biểu hiện trong 5 biểu hiện trí tuệ xã hội của sinh viên là "Thể hiện bản thân"; "Sự đáng tin" và "Sự thấu cảm".

Email: vanspkt@gmail.com

DOI: 10.64410/NXVK3317

2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

2.1. Khách thể nghiên cứu

450 sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội học các khóa 47, 48, 49 ở các chuyên ngành Luật, Luật Kinh tế, Luật Thương mại quốc tế, Luật/Luật Kinh tế chất lượng cao và Ngôn ngữ Anh. Sự phân bố khách thể tham gia khảo sát như sau: Mỗi khóa là 150 sinh viên (33,3%); mỗi ngành/nhóm ngành là 90 sinh viên (20%); theo giới tính: Nam là 123 sinh viên (27,3%); Nữ là 327 sinh viên (72,7%); Theo học lực: Học lực xuất sắc là 35 sinh viên (7,8%); Học lực giỏi là 182 sinh viên (40,4%); Học lực khá là 201 sinh viên (44,7%); Học lực trung bình trở xuống là 32 (7,1%). Theo điểm rèn luyện: Xếp loại xuất sắc là 31 sinh viên (6,9%); Loại tốt là 248 sinh viên (55,1%); Loại khá là 156 sinh viên (34,7%); Loại trung bình trở xuống là 15 sinh viên (3,4%). Theo nơi ở hiện tại: Tại gia đình là 177 sinh viên (39,3); Ký túc xá là 32 sinh viên (7,1%); Thuê trọ là 241 sinh viên (53,6%). Theo nơi xuất thân: Thành phố/Thị trấn là 248 sinh viên (55,1%); Nông thôn là 160 sinh viên (35,6%) và miền núi là 42 sinh viên (9,3%). Theo điều kiện kinh tế gia đình: Mức trung bình trở xuống là 245 sinh viên (54,4%); Mức khá là 163 sinh viên (36,2%), Mức tốt là 42 sinh viên (9,3%. Mức độ tham gia câu lạc bộ/hoạt động xã hội: Không tham gia là 74 sinh viên (16,4%); Ít, đôi khi là 258 sinh viên (57,3%); Nhiều, thường xuyên là 118 sinh viên (26,2%).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp chính được sử dụng là phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Ngoài ra, phương pháp phỏng vấn sâu và phương pháp thống kê toán học qua sự hỗ trợ của phần mềm SPSS phiên bản 26.0. Hai biểu hiện trong số 5 biểu hiện theo cách tiếp cận của tác giả K. Albrecht (2006) về cấu trúc trí tuệ xã hội là "Thể hiện bản thân"; "Sự đáng tin" và "Sự thấu cảm" [3]. Mỗi biểu hiện được xây dựng 10 mệnh đề với thang đo Likert 5 mức và số điểm quy ước: Hoàn toàn sai (1 điểm); Phần lớn sai (2 điểm); Nửa đúng nửa sai (3 điểm); Phần lớn đúng (4 điểm); Hoàn toàn đúng (5 điểm); các mệnh đề âm tính (*) được quy ước điểm ngược lại. Các thang đo của hai biểu hiện này đều đảm bảo độ tin cậy và độ hiệu lực trong đo lường với hệ số độ tin cậy tương ứng là 0,91; 0,91 và 0,88; độ hiệu lực tương ứng là 0,85; 0,87 và 0,77.

Căn cứ vào phương pháp phân tổ trong thống kê, mức độ của ba biểu hiện của trí tuệ xã hội được đề cập ứng với 5 mức và khoảng điểm như sau: Mức rất thấp: Điểm trung bình (ĐTB) từ 1 - cận 1,8; Mức thấp: điểm trung bình (ĐTB) từ 1,8 - cận 2,6; Mức trung bình: ĐTB từ 2,6 - cận 3,4; Mức khá: ĐTB từ 3,4 trở lên cận 4,2; Mức cao: ĐTB từ 4,2 đến 5.

Ngoài ra, phương pháp phỏng vấn sâu được sử dụng để bổ sung thêm các thông tin ngoài phiếu khảo sát phục vụ phân tích định tính về vấn đề nghiên cứu.

3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

3.1. Biểu hiện trí tuệ xã hội qua thể hiện bản thân của sinh viên

Thể hiện bản thân của sinh viên là khả năng xây dựng hình ảnh cá nhân, đặc biệt là sự am hiểu về kiến thức, kỹ năng xử lý trong các tình huống pháp lý trước người khác thông qua cử chỉ ngôn ngữ, phi ngôn ngữ phù hợp với tình huống tương tác và bối cảnh giao tiếp xã hội.

Bảng 1: Trí tuệ xã hội biểu hiện qua thể hiện bản thân của sinh viên

STT	Các biểu hiện về thể hiện bản thân của sinh viên	Ý kiến đánh giá (%), Mẫu 450 sinh viên					ĐTB	ĐLC
		Hoàn toàn sai (1đ)	Phần lớn sai (2đ)	Nửa đúng nửa sai (3đ)	Phần lớn đúng (4đ)	Hoàn toàn đúng (5đ)		
1	Tôi nhận diện rõ ưu điểm và nhược điểm của mình	1,1	6,4	32,0	39,8	20,7	3,72	0.90
2	Tôi luôn tìm cách tạo ấn tượng tốt đẹp với mọi người xung quanh	1,3	7,3	32,2	38,9	20,2	3,69	0,92
3	Tôi biết điều chỉnh hành vi ứng xử giao tiếp xã hội phù hợp trong bối cảnh phát triển công nghệ số	2,0	4,4	28,7	46,4	18,4	3,75	0,87

4	Tôi biết cách lựa chọn trang phục phù hợp với đối tượng giao tiếp	1,1	4,2	29,1	43,8	21,8	3,81	0,86
5	Tôi thường không đố kỵ với thành công của người khác	2,9	9,6	32,9	36,2	18,4	3,58	0,99
6	Tôi giỏi bước vào tình huống mới và gặp gỡ mọi người lần đầu tiên	3,8	19,8	37,6	26,7	12,2	3,24	1,02
7	Tôi có khả năng tạo mối quan hệ tốt với người mới quen bằng cách kết nối qua mạng trước đó	4,7	20,4	34,4	28,4	12,0	3,23	1,05
8	Tôi khẳng định được vai trò quan trọng của mình trong phần lớn các mối quan hệ xã hội (gia đình, trường lớp, hội nhóm,...)	2,0	13,8	40,0	32,2	12,0	3,38	0,93
9	Tôi đã và đang chuẩn bị tốt phẩm chất đạo đức, năng lực cho nghề nghiệp tương lai phù hợp với bối cảnh phát triển công nghệ số	1,3	6,7	31,6	43,6	16,9	3,68	0,87
10	Tôi luôn gương mẫu về ý thức tuân thủ pháp luật	1,1	2,9	23,1	43,3	29,6	3,97	0,86
ĐTB thang đo							**3,60**	**0,70**

Kết quả khảo sát do tác giả thực hiện vào tháng 8-9/2025

Khả năng thể hiện bản thân của sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội thể hiện qua một số khía cạnh, bao gồm: 1) Nhận thức được ưu và nhược điểm của bản thân, năng lực và giá trị cá nhân, làm chủ bản thân, đặc biệt là sự am hiểu về pháp luật; 2) Xác định rõ vị trí, vai trò của cá nhân trong nhóm, tập thể và thể hiện một cách phù hợp với hoàn cảnh, với mối quan hệ tương tác và bối cảnh phát triển công nghệ số; 3) Đảm bảo ý thức tuân thủ, thượng tôn pháp luật, thái độ công tâm, khách quan, chính trực, gương mẫu phù hợp với các chuẩn mực xã hội nói chung, chuẩn mực pháp luật nói riêng trong các mối quan hệ xã hội. Kết quả nghiên cứu thực tiễn trình bày ở bảng 1.

Căn cứ vào số liệu thu được cho thấy biểu hiện "Thể hiện bản thân" của sinh viên đạt mức khá với ĐTB = 3,60 và độ lệch chuẩn (ĐLC) = 0,70, kết quả này phản ánh xu hướng chung là sinh viên có khả năng nhận thức và thể hiện bản thân khá tốt trong giao tiếp xã hội và học tập. Trong đó, có 15,3% SV "Thể hiện bản thân" ở mức cao; mức khá chiếm tỷ lệ là 43,1%, ở mức trung bình chiếm 34,2%; mức thấp và rất thấp chiếm tỷ lệ nhỏ.

Trong năng lực "Thể hiện bản thân" có một số biểu hiện nổi bật bao gồm "*Tôi luôn gương mẫu về ý thức tuân thủ pháp luật*" (ĐTB = 3,97), "*Tôi biết cách lựa chọn trang phục phù hợp với đối tượng giao tiếp*" (ĐTB = 3,81) và "*Tôi biết điều chỉnh hành vi ứng xử giao tiếp xã hội phù hợp trong bối cảnh phát triển công nghệ số*" (ĐTB = 3,75). Các biểu hiện này phản ánh SV không chỉ ý thức rõ về việc duy trì hình ảnh cá nhân chuẩn mực mà còn có khả năng điều chỉnh hành vi tương thích với các yêu cầu giao tiếp trong thời đại số, nơi các chuẩn mực xã hội đang dịch chuyển dần từ môi trường trực tiếp sang môi trường trực tuyến. Đáng chú ý, các biểu hiện liên quan đến tự nhận thức, tự đánh giá như "*Tôi nhận diện rõ ưu điểm và nhược điểm của mình*" (ĐTB = 3,72) và "*Tôi luôn tìm cách tạo ấn tượng tốt đẹp với mọi người xung quanh*" (ĐTB = 3,69) tiếp tục củng cố nhận định rằng sinh viên có nền tảng tốt về khả năng tự định hướng hành vi, biết quan sát và điều chỉnh bản thân trong tương tác xã hội. Khi sinh viên hiểu rõ những thế mạnh, những mặt còn hạn chế ở bản thân sẽ có định hướng cho việc tiếp tục phát huy, trau dồi cũng như điều chỉnh, thay đổi và hoàn thiện cho phù hợp với yêu cầu của xã hội hiện nay. Tuy nhiên, một số biểu hiện khác lại đạt mức trung bình như "*Tôi giỏi bước vào tình huống mới và gặp gỡ mọi người lần đầu tiên*" (ĐTB = 3,24) và "*Tôi có khả năng tạo mối quan hệ tốt với người mới quen bằng cách kết nối qua mạng trước đó*" (ĐTB = 3,23). Kết quả này bước đầu nhận định vẫn còn một bộ phận sinh viên hạn chế trong khả năng chủ động mở rộng mạng lưới xã hội và thể hiện bản thân trong môi trường số, có thể do thiếu tự tin, ít trải nghiệm giao tiếp hoặc chưa biết cách khai thác hiệu quả công nghệ để tạo dựng hình ảnh cá nhân, phát huy tính chủ động trong tương tác, giao tiếp xã hội ở thời đại mới.

Qua trao đổi, phỏng vấn sinh viên về việc thể hiện bản thân qua môi trường trực tuyến khó khăn

hay dễ dàng thì nữ SV ngành Luật Thương mại quốc tế khóa 48, chia sẻ: "*Về cơ bản, em cũng khá tự tin khi thể hiện bản thân nhưng để so sánh thì em nhận thấy mình thể hiện bản thân dễ hơn trong môi trường trực tuyến, vì em có thời gian suy nghĩ trước khi phản hồi và có thể sử dụng hình ảnh, biểu cảm hoặc video để minh họa ý kiến. Thực tế, hầu như môn nào chúng em cũng có bài tập nhóm, nhiệm vụ thảo luận nên chủ yếu được thực hiện qua hình thức online. Việc tham gia các nhóm học tập online cũng giúp em mạnh dạn hơn khi chia sẻ, nêu ý kiến, vì cảm giác an toàn và ít bị đánh giá hơn so với khi nói trực tiếp hoặc em không phải đối mặt với thái độ không hài lòng của các bạn khi em trả lời không tốt...*". Nêu ý kiến cá nhân về vấn đề này, nam SV khóa 49, ngành Luật chỉ ra cả khía cạnh thuận lợi và khó khăn, cụ thể như sau: "*Khi giao tiếp qua mạng, em thấy mọi thứ không thật lắm. Dù em có thể nói hoặc viết nhiều hơn nhưng đôi khi người khác lại không hiểu đúng cảm xúc hay thái độ của em. Có lúc em muốn giải thích cho rõ nhưng tin nhắn dễ bị hiểu sai. Em thấy điều đó khiến em thể hiện bản thân tốt khi viết hoặc nói qua giao tiếp trên nền tảng số nhưng lại khó bộc lộ cảm xúc thật hơn so với giao tiếp trực tiếp*".

Trong bối cảnh phát triển công nghệ số hiện nay, năng lực thể hiện bản thân của SV không chỉ được đánh giá qua giao tiếp trực tiếp mà còn qua cách ứng xử, trình bày và kết nối trong không gian mạng. Kết quả khảo sát cho thấy dù SV đã có ý thức điều chỉnh hành vi phù hợp với môi trường số nhưng họ vẫn chưa tận dụng hết các công cụ công nghệ để thể hiện bản thân một cách phù hợp, hiệu quả. Do đó, nhà trường cần tăng cường các hoạt động rèn luyện kỹ năng giao tiếp, xây dựng hình ảnh và thể hiện bản thân trong không gian số, giúp SV phát triển toàn diện hơn năng lực "thể hiện bản thân" - một thành tố quan trọng trong trí tuệ xã hội của người học trong thời đại số hóa.

3.2. Biểu hiện trí tuệ xã hội qua sự đáng tin của sinh viên

Biểu hiện của sự đáng tin ở sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội trong trí tuệ xã hội của các em được thể hiện qua: 1) Tạo dựng uy tín cá nhân; 2) Duy trì các mối quan hệ xã hội nói chung, mối quan hệ với giảng viên, sinh viên trong môi trường học đường và các đối tượng giao tiếp khác có liên quan trong quá trình tham gia chương trình đào tạo tại trường nói riêng bằng thái độ, hành vi phù hợp với các chuẩn mực xã hội; thể hiện sự thân thiện, chân thành, hòa đồng,...; 3) Tạo ra được giá trị của cá nhân đối với người khác, đặc biệt thông qua khả năng hiểu biết về pháp luật, tuân thủ pháp luật, ý thức thượng tôn pháp luật, đồng thời có khả năng thực hiện tốt và có hiệu quả việc áp dụng kiến thức pháp luật vào các tình huống thực tiễn gắn với cuộc sống. Kết quả khảo sát thực tiễn trình bày ở bảng 2.

Căn cứ vào số liệu khảo sát cho thấy trí tuệ xã hội biểu hiện qua "Sự đáng tin" của sinh viên đạt mức khá, với ĐTB 3,69. Kết quả này phản ánh phần nhiều SV trong diện điều tra có ý thức trách nhiệm, trung thực và đáng tin cậy trong học tập, nghiên cứu cũng như đời sống xã hội qua tự đánh giá của họ. Ở năng lực này có 19,6% sinh viên đạt mức cao; mức khá là 45,3%; mức trung bình còn chiếm tỷ lệ đáng kể là 28,7%; số còn lại ở mức thấp và rất thấp chiếm tỷ lệ nhỏ.

Ở "Sự đáng tin", nhiều biểu hiện nổi bật đạt ĐTB cao như: "Kết quả học tập của tôi đều do sự nỗ lực, cố gắng của bản thân" (ĐTB = 3,94); "Trong học tập, nghiên cứu khoa học dù áp dụng trí tuệ nhân tạo nhưng tôi vẫn đảm bảo đúng quy tắc liêm chính khoa học, bản quyền tác giả" (ĐTB = 3,88); và "Nguyên tắc lời nói phải đi đôi với việc làm là phương châm hành động của tôi trong giải quyết mọi vấn đề của cuộc sống" (ĐTB = 3,87). Các kết quả này cho thấy đa số sinh viên có xu hướng duy trì các giá trị trung thực, nỗ lực cá nhân và chuẩn mực đạo đức học thuật, đặc biệt trong bối cảnh công nghệ số mở rộng khả năng tiếp cận tri thức nhưng cũng tiềm ẩn nguy cơ vi phạm bản quyền liên quan đến sản phẩm trí tuệ của các nhà khoa học, nhà nghiên cứu. Qua kết quả phỏng vấn sâu, nữ SV khóa 47 ngành Luật chất lượng cao nêu quan điểm: "Theo em, trong học tập, nghiên cứu khoa học hiện nay có sự hỗ trợ của công nghệ, của trí tuệ nhân tạo thì tính trung thực trong khoa học cần được đặt lên hàng đầu, không lạm dụng AI và dám chịu trách nhiệm về bài nghiên cứu, kết quả bài tập nhóm của mình, tạo sự tín nhiệm, tin tưởng với thầy cô và với các bạn sinh viên khác là vấn đề cá nhân cần quan tâm".

Bảng 2: Trí tuệ xã hội biểu hiện qua sự đáng tin của sinh viên

STT	Các biểu hiện về sự đáng tin của SV	Ý kiến đánh giá (%), Mẫu 450					ĐTB	ĐLC
		Hoàn toàn sai (1đ)	Phần lớn sai (2đ)	Nửa đúng nửa sai (3đ)	Phần lớn đúng (4đ)	Hoàn toàn đúng (5đ)		
1	Tôi thường được tín nhiệm vào vị trí cán bộ lớp/ nhóm trưởng	10,7	17,8	31,3	26,0	14,2	3,15	1,18
2	Tôi luôn được gia đình tin tưởng và tôn trọng mọi quyết định của tôi	1,1	6,7	29,8	39,8	22,7	3,76	0,91
3	Tôi thường được bạn bè hỏi ý kiến khi họ gặp khó khăn trong giải quyết các vấn đề của mình	2,4	6,2	35,6	39,1	16,7	3,61	0,91
4	Những ý kiến đóng góp của tôi cho tập thể phần nhiều được ghi nhận	2,4	8,7	37,6	38,9	12,4	3,50	0,90
5	Trong các mối quan hệ xã hội, tôi nhận thấy có nhiều người quý mến và tin tưởng	1,1	5,8	31,1	46,4	15,6	3,70	0,84
6	Kết quả học tập của tôi đều do sự nỗ lực, cố gắng của bản thân	1,1	3,6	25,3	40,7	29,3	3,94	0,88
7	Trong học tập, nghiên cứu khoa học dù áp dụng trí tuệ nhân tạo nhưng tôi vẫn đảm bảo đúng quy tắc liêm chính khoa học, bản quyền tác giả	1,1	4,9	24,7	43,1	26,2	3,88	0,89
8	Nguyên tắc lời nói phải đi đôi với việc làm là phương châm hành động của tôi trong giải quyết mọi vấn đề của cuộc sống	0,9	3,3	28,9	41,6	25,3	3,87	0,86
9	Tôi đã và đang tạo được uy tín cá nhân cao trong nhóm/tập thể	1,8	4,9	32,4	44,2	16,7	3,69	0,86
10	Hầu hết mọi người đánh giá tôi là người sống chân thành, trung thực	0,9	4,0	26,9	46,7	21,6	3,84	0,83
ĐTB thang đo							**3,69**	**0,70**

Kết quả khảo sát do tác giả thực hiện vào tháng 8-9/2025

Bên cạnh đó, qua kết quả khảo sát cho thấy nhiều sinh viên đã và đang thể hiện sự đáng tin của mình qua sự đóng góp giá trị của bản thân cho người khác cũng như cho nhóm, tập thể; đồng thời được ghi nhận, được tôn trọng, yêu quý, tin tưởng. Tuy nhiên, đề cập đến sự đáng tin của sinh viên vẫn còn một số biểu hiện chưa được đánh giá cao, điển hình biểu hiện "*Tôi thường được tín nhiệm vào vị trí cán bộ lớp/nhóm trưởng*" có ĐTB thấp nhất (3,15), chỉ đạt ở mức trung bình, cho thấy khả năng tạo dựng niềm tin và đảm nhận vai trò lãnh đạo trong tập thể của một bộ phận đáng kể sinh viên còn hạn chế.

Qua phỏng vấn, nam sinh viên ngành Luật Kinh tế chia sẻ: "*Nhiều bạn học giỏi nhưng có xu hướng sống khép kín hoặc chỉ thích làm việc cá nhân nên ít được giao nhiệm vụ chung, thậm chí họ không thích nhận trách nhiệm nhóm trưởng các học phần hay tham gia vào ban cán sự lớp, dần dần thì không được tín nhiệm vào các vị trí đó...*". Kết quả nghiên cứu thực tiễn này gợi mở việc phát triển kỹ năng lãnh đạo trong học tập, đặc biệt theo hình thức làm việc nhóm và xây dựng niềm tin xã hội trong học tập ở môi trường số cần được chú trọng hơn, không chỉ qua kiến thức khoa học, kiến thức chuyên ngành mà còn qua rèn luyện kỹ năng giao tiếp, hợp tác và đồng cảm. Khi sinh viên biết kết hợp hiệu quả giữa năng lực trí tuệ cảm xúc và trí tuệ xã hội, họ sẽ dần khẳng định được bản lĩnh, uy tín và vị thế cá nhân trong tập thể, từ đó củng cố, trau dồi "Sự đáng tin" một cách toàn diện hơn trong thời đại công nghệ số.

3.3. Biểu hiện trí tuệ xã hội qua sự thấu cảm của sinh viên

Biểu hiện của sự thấu cảm của sinh viên được thể hiện khá đa dạng, phong phú, đặc biệt phải đề cập đến một số khía cạnh nổi bật sau: 1) Sinh viên biết đặt vị trí của mình vào vị trí của người khác để hiểu được cảm xúc, suy nghĩ và động cơ hành vi của họ, đơn cử hiểu được tâm lý của giảng viên, sinh viên khác để tương tác hiệu quả hơn; 2) Có khả năng kết nối, cảm thông với mọi người xung quanh; 3) Có khả năng "thâm nhập" vào thế giới bên trong, hiểu biết về nhân cách của người khác để có thể ứng

xử, giao tiếp và tương tác một cách hiệu quả, chẳng hạn khi sinh viên thực tập ở Tòa án, được tham dự các phiên tòa, sinh viên thấu hiểu được cảm xúc, quan điểm của hội đồng xét xử về sự phán quyết của họ đối với bị cáo, từ đó có kế hoạch rèn luyện những phẩm chất đạo đức, năng lực nghề nghiệp tương lai. Kết quả khảo sát thực tiễn trình bày ở bảng 3.

Bảng 3: Trí tuệ xã hội biểu hiện qua sự thấu cảm của sinh viên

STT	Các biểu hiện về thấu cảm của SV	Ý kiến đánh giá (%), mẫu 450 sinh viên					ĐTB	ĐLC
		Hoàn toàn sai (1đ)	Phần lớn sai (2đ)	Nửa đúng nửa sai (3đ)	Phần lớn đúng (4đ)	Hoàn toàn đúng (5đ)		
1	Tôi luôn biết đặt vị trí của mình vào người khác để hiểu họ hơn	1,8	7,3	31,8	39,1	20,0	3,68	0,94
2	Tôi không áp đặt người khác phải theo suy nghĩ của mình	1,8	6,2	28,7	40,9	22,4	3,76	0,93
3	Mọi người xung quanh đánh giá tôi là người biết lắng nghe	1,8	4,7	26,4	43,3	23,8	3,83	0,90
4	Tôi thường xuyên quan tâm đến người thân, bạn bè qua mạng xã hội (Zalo, Facebook)	2,0	5,8	29,6	41,6	21,1	3,74	0,92
5	Tôi được gia đình, bạn bè đánh giá là người hiểu chuyện	2,0	5,8	27,8	42,7	21,8	3,76	0,92
6	Sự gắn kết giữa tôi và người thân, bạn bè có xu hướng giảm sút do lạm dụng giao tiếp trực tuyến*	11,1	16,2	33,1	28,7	10,9	2,88	1,14
7	Giao tiếp gián tiếp qua mạng xã hội khiến tôi thiếu đi cơ hội thể hiện rõ cảm xúc chân thật của mình đối với mọi người xung quanh*	7,6	15,1	32,4	30,4	14,4	2,70	1,11
8	Tôi thường tập trung tối đa nghe giảng viên giảng bài vì tôi hiểu thầy cô đang truyền đạt những kiến thức quý giá cho người học	1,1	7,8	34,0	38,9	18,2	3,65	0,90
9	Trong làm việc nhóm, tôi tôn trọng mọi ý kiến của các thành viên cho dù có những ý kiến đối lập với mình	0,9	4,4	27,3	41,8	25,6	3,87	0,87
10	Những tiết học trực tuyến, tôi luôn tập trung lắng nghe bài giảng và tích cực tương tác không bị phân tâm bởi việc khác	3,1	10,4	35,8	34,2	16,4	3,50	0,98
ĐTB thang đo							**3,51**	**0,50**

Kết quả khảo sát do tác giả thực hiện vào tháng 8-9/2025

Ghi chú: Ở mệnh đề 6, 7 ký hiệu (*) là mệnh đề âm tính có điểm quy ước ngược lại

Kết quả thống kê cho thấy biểu hiện sự thấu cảm của sinh viên đạt ĐTB 3,51, thuộc mức khá theo thang đo, phản ánh xu hướng tích cực trong khả năng cảm nhận, thấu hiểu và chia sẻ cảm xúc với người khác. Ở năng lực này có 9,3% sinh viên đạt mức cao; mức khá chiếm phần lớn là 52,7%. Số sinh viên đạt mức trung bình chiếm tỷ lệ đáng kể là 34,4%; mức thấp và rất thấp chiếm tỷ lệ nhỏ.

Trong đó, các mệnh đề có ĐTB cao nổi bật là: "*Mọi người xung quanh đánh giá tôi là người biết lắng nghe*" (ĐTB = 3,83) và "*Trong làm việc nhóm, tôi tôn trọng mọi ý kiến của các thành viên cho dù có những ý kiến đối lập với mình*" (ĐTB = 3,87). Hai biểu hiện này cho thấy phần lớn sinh viên có khả năng tự điều chỉnh hành vi giao tiếp, biết đặt mình vào vị trí người khác và thể hiện thái độ hợp tác tích cực trong giao tiếp xã hội, làm việc nhóm.

Bên cạnh đó, một số biểu hiện khác như "*Tôi luôn biết đặt vị trí của mình vào người khác để hiểu họ hơn*" hay "*Tôi không áp đặt người khác phải theo suy nghĩ của mình*" đều có ĐTB đạt ở mức khá thể hiện nhiều sinh viên biết đồng cảm, thấu hiểu người khác song vẫn còn không ít sinh viên chưa thực sự bộc lộ cảm xúc tinh tế trong ứng xử cũng như tương tác xã hội. Kết quả cần đặc biệt lưu tâm là hai mệnh

đề có ĐTB thấp nhất là "*Sự gắn kết giữa tôi và người thân, bạn bè có xu hướng giảm sút do lạm dụng giao tiếp trực tuyến*" (ĐTB = 2,88) và "*Giao tiếp gián tiếp qua mạng xã hội khiến tôi thiếu đi cơ hội thể hiện rõ cảm xúc chân thật của mình đối với mọi người xung quanh*" (ĐTB = 2,70).

Khi được phỏng vấn về tác động của bối cảnh công nghệ số đến sự gắn kết trong giao tiếp xã hội, nam sinh viên ngành Luật Kinh tế, khóa 47 nêu suy nghĩ cá nhân: "*Em nhận thấy công nghệ giúp em duy trì gắn kết khá tốt, nhất là khi lịch học hay làm việc bận rộn. Em có nhóm "chat" riêng với bạn thân, vẫn chia sẻ chuyện học, chuyện buồn vui hàng ngày...*". Nữ sinh viên, ngành Luật chất lượng cao, khóa 48 chia sẻ thêm: "*Em thừa nhận rằng công nghệ làm em kết nối với người khác (người thân, bạn bè) dễ dàng hơn nhưng đôi khi em có cảm nhận mọi thứ có vẻ hời hợt hơn.... Em từng có cảm giác cô đơn, thiếu sự chia sẻ dù các nhóm chat lúc nào cũng sáng đèn....*". Kết quả này phần nào phản ánh rõ tác động hai mặt của bối cảnh phát triển công nghệ số. Giao tiếp trong môi trường số một phần giúp mở rộng tương tác song cũng có thể khiến sự kết nối cảm xúc trực tiếp suy giảm, SV ít có cơ hội trải nghiệm sự đồng cảm thực tế, hạn chế khả năng nhận diện chính xác cảm xúc của bạn bè và mọi người xung quanh.

4. Kết luận

Qua nghiên cứu thực tiễn cho thấy 3 biểu hiện trong 5 biểu hiện trí tuệ xã hội của sinh viên thuộc diện nghiên cứu đều đạt ở mức khá. Biểu hiện thể hiện rõ nét hơn là "Sự đáng tin" của sinh viên; biểu hiện thể hiện mờ nhạt hơn là "Sự thấu cảm". Tỷ lệ sinh viên thể hiện các năng lực này ở mức cao còn giới hạn, đặc biệt thể hiện qua tác động tiêu cực từ bối cảnh phát triển công nghệ số ảnh hưởng ít nhiều sự gắn kết giữa sinh viên và mọi người xung quanh. Bên cạnh đó, khả năng tạo dựng niềm tin và đảm nhận vai trò lãnh đạo trong tập thể còn tồn tại ở không ít sinh viên. Một bộ phận sinh viên còn hạn chế trong khả năng chủ động mở rộng mạng lưới xã hội và thể hiện bản thân trong môi trường số, có thể do thiếu tự tin, ít trải nghiệm giao tiếp hoặc chưa biết cách khai thác hiệu quả công nghệ để tạo dựng hình ảnh cá nhân, phát huy tính chủ động trong tương tác, giao tiếp xã hội ở thời đại mới. Vì vậy, để nâng cao năng lực thể hiện bản thân, sự đáng tin và thấu cảm trong các mối quan hệ xã hội, sinh viên cần chủ động, tích cực rèn trí tuệ xã hội thông qua hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học; trong giao tiếp xã hội với mọi người xung quanh, đặc biệt thông qua các hoạt động xã hội, tập thể.

Tài liệu tham khảo

[1] D. Goleman (2008). *Trí tuệ xã hội (Môn khoa học mới về mối quan hệ của con người)* (Nguyễn Trang, Hồng Việt dịch). NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội.

[2] Nguyễn Thị Hồng (2018), *Trí tuệ xã hội của sinh viên sư phạm mầm non.* Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, tr. 62.

[3] H.A. Malowe (1986). *Social Intelligence: Invidence for Multidimensionality and Contruct Independence.* Journal of Educational Psychology, Volume 78, pp. 54.

[4] D.H, Silvera, M. Matinussen và T. Dahl (2001). *The Tromso Social Intelligence Scale, a self-report measure of social intelligence.* Scandinavian Journal of Psychology, 42 (4), 313-319. https://doi.org/10.1111/1467-9450.00242.

[5] K. Albrecht (2006). *Social Intelligence: The new Science of Success*. Jossey - Bass, A Wiley Imprint, pp. 28-33.

[6] Nguyên Công Khanh (2011), *Nghiên cứu chỉ số trí tuệ xã hội (SI) của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*. Báo cáo tổng kết đề tài cấp Bộ, mã số B2009-17-176, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

[7] Nguyễn Công Khanh (2011). *Trí tuệ xã hội, các mô hình cấu trúc trí tuệ xã hội.* Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 71, tr. 14-17 và 34.

[8] Kiều Thị Thanh Trà (2017). *Đặc điểm trí tuệ xã hội của sinh viên sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.* Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Học viện Khoa học xã hội, tr. 65.

[9] R.E. Walker and J.M. Forley (1973). *Social Intelligence: Its history and measurement.* Psychological Reports, Volume 33, pp. 840.

[10] S. Weis (2008). *Theory and Measurement of Social intelligence as a Conitive performance construct.* Otto - von – Guerike, University Magdeburg.

[11] Wilson, J. H., & Ryan, R. G. (2013). *Professor–student rapport scale: Six items predict student outcomes*. Teaching of Psychology, 40(2), pp. 130–133. https://doi.org/10.1177/0098628312475033.